

Số: 1505/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 01 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ Phòng, chống thiên tai
tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai; Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 244 /TTr-SNNPTNT ngày 10/6/2020, về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Kiên Giang; Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự tỉnh tại Tờ trình số 07/TTr-BCH-SNNPTNT ngày 22/6/2020, về việc quy định mức chi, nội dung chi từ Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Kiên Giang.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan thường trực phòng, chống thiên tai của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự tỉnh) chủ trì, phối hợp với các sở, ngành: Tài chính; Lao động- Thương binh và Xã hội; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục Thuế tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và định kỳ, đột xuất báo cáo tình hình, kết quả việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Lao động- Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh; Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Kiên Giang và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCĐ Trung ương về PCTT;
- UBQG UP sự cố TT&TKCN;
- Bộ NN và PTNT;
- Tổng cục PCTT;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ngành cấp tỉnh (Đảng, CQ, ĐT& DNNN);
- Các TV BCH PCTT, TKCN và PTDS tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- VP BCH PCTT, TKCN và PTDS tỉnh;
- LĐVP, Phòng: KT, NC, KGVX& TH;
- Lưu: VT, tvhung

CHỦ TỊCH



Phạm Vũ Hồng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Kiên Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 01 / 7/2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi tắt là Quỹ) áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ: Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. Quản lý và sử dụng Quỹ đảm bảo đúng mục đích, kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả.

3. Quỹ phòng, chống thiên tai là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được thành lập ở cấp tỉnh, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý. Tồn Quỹ cuối năm được chuyển sang năm sau.

Điều 2. Cơ cấu tổ chức

1. Cơ quan quản lý Quỹ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai là cơ quan quản lý Quỹ; sử dụng bộ máy của mình để thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật, sử dụng con dấu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh, tổ chức hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm quản lý Quỹ.

Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trực thuộc tổ chức công tác thu Quỹ và cấp huyện được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện để quản lý Quỹ do địa phương thu.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ ĐÓNG GÓP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Điều 3. Đối tượng và mức đóng góp

1. Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh: mức đóng góp bắt buộc 01 năm là 2 phần mười ngàn trên tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm; mức tối thiểu 500.000đồng, tối đa 100.000.000đồng và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh.



2. Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến hết tuổi lao động theo quy định của pháp luật về lao động:

a) Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang hưởng lương; cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp nhà nước đóng 01 ngày lương/người/năm theo mức lương cơ bản, sau khi đã trừ các khoản thuế, bảo hiểm phải nộp.

b) Người lao động trong các doanh nghiệp đóng 01 ngày lương/người/năm theo mức lương tối thiểu vùng.

c) Người lao động khác, trừ các đối tượng đã quy định tại điểm a, điểm b khoản này, đóng 15.000 đồng/người/năm.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp tự nguyện cho Quỹ.

Điều 4. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp

1. Đối tượng được miễn đóng góp:

a) Thương binh, bệnh binh và những người được hưởng chính sách như thương binh;

b) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng của liệt sĩ;

c) Quân nhân làm nghĩa vụ trong lực lượng vũ trang, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí;

d) Sinh viên, học sinh đang theo học tập trung dài hạn tại các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề;

đ) Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; người mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên;

e) Người đang trong giai đoạn thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 6 tháng trong 01 năm trở lên;

g) Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo; thành viên thuộc hộ gia đình bị thiệt hại nặng nề do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn; thành viên thuộc hộ gia đình ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung các văn bản nêu trên (nếu có).

h) Hợp tác xã không có nguồn thu;

i) Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh trong năm bị thiệt hại do thiên tai gây ra về tài sản, nhà xưởng, thiết bị; phải tu sửa, mua sắm với giá trị lớn hơn hai phần vạn tổng giá trị tài sản của tổ chức hoặc phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 05 ngày trở lên.

2. Đối tượng được giảm, tạm hoãn đóng góp:

Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì được xem xét giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đối với các đối tượng quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Việc xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ được tiến hành mỗi năm 01 lần vào thời điểm giao chỉ tiêu kế hoạch thu Quỹ. Trường hợp miễn, giảm, tạm hoãn do thiệt hại thiên tai, tổ chức, cá nhân phải báo cáo thiệt hại. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự xã, huyện, tỉnh tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định miễn, giảm, tạm hoãn. Trường hợp đối tượng đã đóng góp tiền nộp vào Quỹ, nếu được xét miễn, giảm, tạm hoãn thì số tiền đã nộp được trừ vào số tiền đóng góp của năm sau.

Chương III **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ**

Điều 6. Quản lý thu, kế hoạch thu nộp Quỹ

1. Trong quý 4 hàng năm Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ đối tượng, mức đóng góp thuộc phạm vi quản lý, các đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn để xây dựng kế hoạch thu của cơ quan, đơn vị và địa phương, gửi về cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở thông báo kế hoạch thu Quỹ.

2. Thủ trưởng tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm nộp Quỹ theo định mức được quy định tại khoản 1, Điều 3 Quy chế này chuyển vào tài khoản của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh (đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh do Cục Thuế tỉnh quản lý thuế), nộp vào tài khoản huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền (đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh do Chi cục Thuế cấp huyện quản lý thuế).

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thu của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, lực lượng vũ trang thuộc phạm vi quản lý và chuyển vào tài khoản của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh (đối với các cơ quan tổ chức cấp tỉnh), vào tài khoản huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền (đối với các cơ quan tổ chức cấp huyện, cấp xã).

4. Ủy ban nhân dân xã tổ chức thu của các đối tượng lao động khác trên địa bàn (trừ các đối tượng đã thu tại khoản 2 Điều này) và nộp vào tài khoản huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền. Việc thu bằng tiền mặt phải có chứng từ theo mẫu của Bộ Tài chính.

5. Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) lập kế hoạch thu Quỹ. Cục Thuế tỉnh, Chi cục Thuế huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp trong việc hỗ trợ thu Quỹ và cung cấp thông tin tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn cho cơ quan quản lý Quỹ.

6. Thời hạn nộp Quỹ: đối với cá nhân nộp một lần trước 30/5 hàng năm; đối với tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh nộp tối thiểu 50% số phải nộp trước 30/5, số còn lại nộp trước 30/10 hàng năm.

Điều 7. Nội dung chi và phân bổ Quỹ

1. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 83/2019/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai, bao gồm:

a) Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo dỡ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; tu sửa, xử lý khẩn cấp đê, kè, cống và công trình phòng, chống thiên tai được hỗ trợ kinh phí tối đa không quá 03 tỷ đồng/01 công trình.

b) Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế; thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán đến; hỗ trợ quan trắc, thông tin, thông báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai.

c) Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: xây dựng và phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai; tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

2. Hỗ trợ chi thù lao cho người trực tiếp đi thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ nhưng không vượt quá 3% tổng số thu

3. Căn cứ nội dung chi của Quỹ tại khoản 1, khoản 2 nêu trên, giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã sử dụng nguồn thu từ Quỹ Phòng, chống thiên tai 20% số thu trên địa bàn cấp huyện, xã để thực hiện các nhiệm vụ khắc phục hậu quả thiên tai ở cấp của mình.

Định kỳ cuối mỗi quý, UBND cấp huyện tổng hợp số thu Quỹ và chuyển 80% số thu về tài khoản Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh.

4. Điều chuyển để hỗ trợ các địa phương khác bị thiệt hại do thiên tai vượt quá khả năng khắc phục của địa phương.

Điều 8. Mức chi

1. Mức hỗ trợ đối với hộ gia đình và cá nhân

a) Hộ có người chết, mất tích do thiên tai: 4.500.000đồng/người.

b) Hộ có người bị thương nặng do thiên tai (người bị thương phải cấp cứu và điều trị tại cơ sở y tế): 1.500.000đồng/người.

c) Hộ có nhà bị tốc mái do thiên tai, tùy theo mức độ thiệt hại, quy mô, loại nhà. Mức hỗ trợ tối đa không quá 2.000.000đồng/hộ.

d) Hộ có nhà bị đổ, bị sập, bị cuốn trôi trên 70% do thiên tai, tùy theo mức độ thiệt hại, quy mô, loại nhà. Mức hỗ trợ tối đa không quá 6.000.000đồng/hộ.

2. Trường hợp không hỗ trợ kinh phí từ Quỹ Phòng, chống thiên tai để khắc phục hậu quả đối với hộ gia đình và cá nhân, như sau:

a) Hộ đã bỏ nhà đi làm ăn xa, không chăm sóc, chẳng chống nhà cửa trước mùa mưa bão nên nhà bị xuống cấp, hư hỏng. Hộ dân không có hộ khẩu thường trú, không có tạm trú, tạm vắng, ở địa phương khác đến tự cất nhà sinh sống, khi xảy ra thiệt hại do thiên tai thì không có cơ sở để hỗ trợ và thanh quyết toán.

b) Hộ chỉ bị thiệt hại nhỏ ở bộ phận chính của nhà và các bộ phận phụ của nhà như mái hiên, chái bếp; chòi canh để phục vụ nuôi trồng thủy sản, trồng lúa, rau màu, chăn nuôi, buôn bán nhỏ.

3. Các nội dung chi khác với các nội dung chi được quy định tại Điều 7 Quy chế này: thực hiện theo các văn bản hiện hành; trường hợp nội dung chi chưa được quy định mức chi, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 9. Thẩm quyền chi Quỹ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức chi và nội dung chi cho các đối tượng, theo đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự tỉnh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện căn cứ nội dung chi quy định tại Điều 7, mức chi quy định tại Điều 8 của Quy chế này và các văn bản theo quy định hiện hành, quyết định chi theo đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự cấp huyện, cấp xã.

2. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự tỉnh có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện (trường hợp 20% số thu để lại không đảm bảo nhiệm vụ chi tại cấp huyện, xã) và các cơ quan, tổ chức liên quan, đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Căn cứ vào số thu Quỹ thực tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc xuất Quỹ hỗ trợ cho các địa phương khác.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ điều chuyển Quỹ để hỗ trợ cho địa phương khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 10. Báo cáo phê duyệt quyết toán

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm phân công cơ quan chuyên môn cấp huyện thẩm tra phê duyệt báo cáo quyết toán thu, chi của cấp huyện, xã (kể cả số kinh phí Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh chuyển về tài khoản của huyện), ra thông báo phê duyệt quyết toán gửi về Cơ quan quản lý Quỹ tổng hợp lập báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Giao Sở Tài chính tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán thu, chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh theo quy định hiện hành.

3. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự tỉnh tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thu, chi Quỹ với Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Tổng cục Phòng chống thiên tai.

4. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính.



Điều 11. Thanh tra, kiểm toán, giám sát hoạt động Quỹ

1. Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có chức năng theo quy định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, ban ngành liên quan kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ. Có biện pháp đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ nộp Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Công khai nguồn thu, chi Quỹ

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức phải công khai danh sách thu, nộp Quỹ của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Hình thức công khai: thông báo bằng văn bản, niêm yết tại đơn vị; công bố tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị. Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thu nộp.

2. Cấp xã phải công khai kết quả thu nộp, danh sách người lao động đã đóng Quỹ trên địa bàn xã; tổng kinh phí được cấp cho công tác phòng, chống thiên tai và nội dung chi.

Hình thức công khai: báo cáo giải trình công khai tại cuộc họp tổng kết hàng năm; niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân, Trung tâm Văn hóa và thông báo trên phương tiện truyền thanh xã.

3. Cơ quan quản lý Quỹ công khai kết quả thu, danh sách và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và từng huyện; báo cáo quyết toán thu chi; nội dung chi theo địa bàn cấp huyện.

Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở Quỹ; công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương IV**TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN****Điều 13. Trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức và cá nhân**

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm tổ chức thu, nộp Quỹ theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

2. Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh và cá nhân quy định tại Điều 3 Quy chế này có nghĩa vụ đóng góp cho Quỹ theo quy định.

3. Sở Tài chính quản lý, in ấn, phát hành biên lai thu theo mẫu của Bộ Tài chính.

4. Cục Thuế tỉnh chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 6 Quy chế này và đôn đốc công tác thu nộp Quỹ của đối tượng là tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh và công dân là người lao động trong doanh nghiệp theo quy định.

Chương V**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 14. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và UBND các địa phương phối hợp với Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự tỉnh tổng hợp, báo cáo đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

